TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **T PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **424**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - T PHỐ HỒ CHÍ MINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Kim Tuyến;
2. Bà Trần Thị Bích Liên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2017/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Thế T, sinh năm 1982 trú tại 16/9 Đường Dương Cát Lợi, Tổ 9, Khu phố 4, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1983 trú tại số 16/9 Đường Dương Cát Lợi, Tổ 9, Khu phố 4, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Đặng Thế T trình bày:

Ông Đặng Thế T và bà Trần Thị Kim T tự nguyện kết hôn năm 2007. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2007.

Thời gian đầu vợ chồng cũng chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ đầu năm 2010 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống do bà T không quan tâm đến chồng, con và gia đình. Ông T và bà T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả.

Từ năm 2013 đến nay ông T và bà T đã sống ly thân.

Nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn bà Tuyến.

Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Đặng Anh Duy, sinh ngày 05/02/2008. Hiện nay ông T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Hiện tại ông T đang làm công nhân cơ khí. Thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Kim T nhưng bà T đều không đến Tòa án để làm việc hoặc có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số số 57 do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2007 thì ông Đặng Thế T và bà Trần Thị Kim T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Đặng Thế T xin ly hôn bà Trần Thị Kim Tuyến. Bà T cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị Kim T mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2013 đến nay ông T và bà T đã mạnh ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai nữa.

Căn cứ theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè thì cơ quan này không tiếp nhận sự việc mâu thuẫn giữa ông T và bà Tuyến.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đặng Thế T và bà Trần Thị Kim T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, bà T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc chứng tỏ bà T cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đặng Thế T được ly hôn bà Trần Thị Kim T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Đặng Anh Duy, sinh ngày 05/02/2008.

Hội đồng xét xử xét:

Hiện nay con chung đang do ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà T lại thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình. Nguyện vọng của trẻ Đặng Anh Duy cũng muốn được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Đặng Thế T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 266; 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Thế T được ly hôn bà Trần Thị Kim Tuyến.

2/ Về con chung: Giao con chung là Đặng Anh Duy, sinh ngày 05/02/2008 cho ông Đặng Thế T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Thế T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Trần Thị Kim T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5

Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về tài sản chung: Không có.

5/ Về nợ chung: Không có.

6/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Đặng Thế T chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007838 ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh.

7/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

8/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- UBND thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, T phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Long